

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THÀNH
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 75/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29-8-2018
V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Phụng

Ông Nguyễn Đình Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 68/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ X, thôn Y, xã Z, thị xã Q, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn B, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ X, thôn Y, xã Z, thị xã Q, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Vào năm 1995, qua sự sắp đặt của hai bên gia đình nên bà Th và ông B đã quen biết và sau đó chung sống cùng nhau nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc, nhưng vì

không muốn gia đình hai bên phải buồn nên bà Th đã chịu đựng cuộc sống chung với ông B.

Sau đó, do cuộc sống tại nhà chồng quá khó khăn và không thích hợp nên vợ chồng bà Th đã về sống tại thôn Y, xã Z, huyện Q, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Năm 2004, được sự tuyên truyền của chính quyền địa phương nên bà Th, ông B đã đi làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, bà Th cho biết từ khi chung sống với ông B cho đến nay thì cuộc sống chung của hai người chưa bao giờ hạnh phúc. Mặt khác, cuộc hôn nhân là do sự sắp đặt của hai bên gia đình nên bà Th và ông B cũng không hợp tính tình của nhau, do đó giữa hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Trước đây bà Th cũng có ý định ly hôn nhưng ông B không chịu và vì thời điểm đó các con của bà Th đang còn nhỏ nên bà Th phải chịu đựng sống với ông B để lo cho các con. Nay các con của bà Th đã trưởng thành, cuộc sống chung giữa bà Th và ông B luôn mâu thuẫn, không có hạnh phúc. Do đó, bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Th được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà Th, ông B có 02 con chung tên Lê Đình Ng, sinh năm 1996 và Lê Thị Thùy Tr, sinh năm 1998, hiện các con của bà Th đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th không yêu cầu giải quyết

- **Bị đơn ông Lê Văn B:** Vắng mặt

- **Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:**

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Thành thụ lý và giải quyết vụ việc trên là đúng thẩm quyền; trong quá trình giải quyết Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành các thủ tục đúng quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà Th cung cấp nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Th là có căn cứ nên cần chấp nhận cho bà Th và ông B được ly hôn; về con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th cung cấp, xác định vụ việc giải quyết trên thuộc loại quan hệ tranh chấp về “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Việc Tòa án nhân dân huyện Tân Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn ông Lê Văn B đã từ chối nhận các văn bản do Tòa án tổng đạt. Do đó, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông B vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Lê Văn B chung sống với nhau từ năm 1995. Tuy nhiên, đến năm 2004 thì cả hai mới đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân của bà Th và ông B là hợp pháp.

Theo bà Th trình bày thì bà Th và ông B chung sống với nhau không phải xuất phát từ sự tự nguyện mà là do sự sắp đặt của gia đình hai bên, chính vì vậy mà cuộc sống chung của hai người hoàn toàn không có hạnh phúc. Mặc dù, đây chỉ là lời khai từ phía bà Th nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông B cũng không có ý kiến gì đối với lời khai này. Mặt khác, Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập ông B đến làm việc cũng như tạo điều kiện cho các bên hòa giải nhằm mục đích giúp các bên quay về chung sống cùng nhau nhưng ông B vẫn vắng mặt. Điều đó thể hiện ông B không có thiện chí để hàn gắn cuộc hôn nhân của mình.

Từ phân tích trên, nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Th và ông B đã đến mức trầm trọng và không thể hàn gắn được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th và cho bà Th được ly hôn với ông B là phù hợp.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Th không yêu cầu giải quyết còn ông B cũng không có ý kiến gì, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Th phải chịu 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Lê Văn B.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Th đã

nộp theo biên lai thu tiền số 0002690 ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thành. Như vậy, bà Th đã nộp đủ tiền án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (riêng đối với người vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Thành;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã Tân Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Nghĩa